

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 899/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03-8-2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Dung

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Phôi

2. Ông Nguyễn Đình Thọ

-Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Phong là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Bích Trâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2021 về hôn nhân gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Mỹ H, sinh năm 1986; cư trú tại: Tổ 37, Kv4, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định(vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phạm Hoàng G, sinh năm 1983; cư trú tại: Tổ 27, Kv5, P. Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25-11-2021 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trần Thị Mỹ H trình bày: Chị và anh Phạm Hoàng G tự nguyện tìm hiểu trước khi tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2004 tại UBND phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Kể từ ngày chung sống vợ chồng sống hạnh phúc và đến năm 2012 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G đam mê cờ bạc về nhà đánh đập chị rất nhiều, chị đã nhiều lần cố gắng giải quyết hậu quả để anh G thay đổi vì các con nhưng anh G không có thiện chí. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt cũng vì những nguyên nhân trên, chị đã 2 lần nộp đơn xin ly hôn, anh G hứa thay đổi nên chị rút đơn nhưng không có kết quả. Nay chị nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không có, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm giữa chị và anh G đến nay cũng không còn, nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hoàng G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Tuyết N, sinh ngày 01/11/2004 và Phạm Hoàng K, sinh ngày 12/01/2012. Hiện sức khỏe các con bình thường sống cùng chị H. Nay chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn anh Phạm Hoàng G: đã được Toà triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Toà để khai báo, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hoà giải và tham gia phiên Toà xét xử nhưng anh G không đến Toà làm việc.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Quy Nhơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật về tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán đã thực hiện đúng theo qui định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm xét xử sơ thẩm nhưng còn vi phạm thời hạn xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS còn bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS.

* Về quan điểm giải quyết vụ án : Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 56, 81 Luật Hôn nhân gia đình. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Phạm Hoàng G. Giao hai cháu tên Phạm Tuyết N và Phạm Hoàng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại tổ 27, Kv5, P. Đồng Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định. Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn thụ lý vụ án, giải quyết theo thẩm quyền quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 35 và điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, HĐXX căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Phạm Hoàng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161 tại UBND phường Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định ngày 27/10/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị có thời gian hạnh phúc nhưng đến năm 2012 vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được. Anh chị cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không giải quyết được mâu thuẫn là phù hợp với việc Tòa xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương. Nay chị H yêu cầu ly hôn anh G, nhưng anh G không đến Tòa tham gia tố tụng giải quyết vụ án thể hiện anh không có thiện chí hàn gắn bỏ mặc đời sống hôn nhân. HĐXX xét thấy hôn nhân của anh chị có mâu

thuần và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn anh G là phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội được qui định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Anh chị có 02 con chung tên Phạm Tuyết N, sinh ngày 01/11/2004 và Phạm Hoàng K, sinh ngày 12/01/2012. Hiện sức khỏe các con bình thường sống cùng chị H. Nay chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh G cấp dưỡng nuôi con.

- Việc nuôi dưỡng con chung: Xét yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Phạm Tuyết N và Phạm Hoàng K của chị H là hoàn toàn chính đáng. Vì hai cháu hiện đang sống cùng chị H, chị H là người đang nuôi dưỡng, chăm sóc các con, chị có thu nhập ổn định, hơn nữa hai con cháu trên 7 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị H, nên giao hai con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hợp lý nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp theo quy định Điều 81, 82, 83 luật hôn nhân và gia đình.

- Việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa giải quyết.

- Về án phí HNGĐST: Căn cứ theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14, chị Trần Thị Mỹ H phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với HĐXX.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, 39, 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Trần Thị Mỹ H được ly hôn anh Phạm Hoàng G.

2. Về con chung: Chị H và anh G có 02 con chung tên Phạm Tuyết N, sinh ngày 01/11/2004 và Phạm Hoàng K, sinh ngày 12/01/2012. Hiện sức khỏe các con bình thường sống cùng chị H.

- Việc nuôi dưỡng con chung: Giao hai con chung tên Phạm Tuyết N và Phạm Hoàng K cho chị Trần Thị Mỹ H được trực tiếp nuôi dưỡng.

- Việc cấp dưỡng nuôi con: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung không bên nào được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trần Thị Mỹ H phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003126 ngày 01/12/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Tp. Quy Nhơn. Chị H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Mỹ H và anh Phạm Hoàng G được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND TP. Quy Nhơn;
- Chi cục THADS TP. Quy Nhơn;
- UBND P. Hải Cảng, TP. Quy Nhơn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Lê Thị Ngọc Dung